

Bản án số: 29/2024/HS-ST

Ngày: 30 - 5 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vũ Mạnh Toàn;
- Bà Dương Thị Vui.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2024/TLST- HS ngày 04 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/HSST-QĐ ngày 24/5/2024, đối với các bị cáo:

1. Đỗ Văn G - Sinh năm: 1996 tại Nam Định. Nơi cư trú: Xóm B, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Đỗ Văn D, sinh năm 1966 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969, hiện đang ở xã G, huyện G, tỉnh Nam Định. Vợ: Vi Thị Diệu L, sinh năm 2004, hiện đang ở xã G, huyện G, tỉnh Nam Định. Có 01 con sinh ngày 13/02/2024; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo Đỗ Văn G bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ từ 19/10/2023 đến ngày 26/10/2023 chuyển tạm giam. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N, có mặt.

2. Trần Văn T - Sinh năm: 1995 tại Nam Định. Nơi cư trú: Xóm C, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Trần Văn T1, sinh năm 1961 và bà: Lưu Thị T2, sinh năm 1963, cả hai hiện đang ở xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo Trần Văn T bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ từ

19/10/2023 đến ngày 26/10/2023 chuyển tạm giam. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N, có mặt.

3. Nguyễn Thành T3 - Sinh năm: 1996 tại Nam Định. Nơi cư trú: Xóm G, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1969, cả hai hiện đang ở xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo Nguyễn Thành T3 bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ từ 19/10/2023 đến ngày 26/10/2023 chuyển tạm giam. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N, có mặt.

4. Nguyễn Văn C - Sinh năm: 1982 tại Nam Định. Nơi cư trú: Xóm H, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông Nguyễn Tương L1, sinh năm 1946 và bà Lê Thị X, sinh năm 1948, cả hai hiện đang ở xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; Vợ: Nguyễn Thị L2, sinh năm 1984, hiện đang ở xã G, huyện G; Có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo Nguyễn Văn C đầu thú, tạm giữ từ 18/10/2023 đến ngày 26/10/2023 chuyển tạm giam. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N, có mặt.

5. Đặng Văn D2 - Sinh năm: 1993 tại Nam Định. Nơi cư trú: Xóm G, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Đặng Quý Đ, sinh năm 1960, đã chết và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1960, đã chết; Vợ: Doãn Thị H1, sinh năm 1993, hiện đang ở xã G, huyện G; Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo Đặng Văn D2 bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ từ 19/10/2023 đến ngày 26/10/2023 chuyển tạm giam. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N, có mặt.

6. Nguyễn Hữu T4 - Sinh năm: 1997 tại Nam Định. Nơi cư trú: Xóm H, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1961 và bà Đặng Thị M, sinh năm 1962, cả hai hiện đang ở xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo Nguyễn Hữu T4 bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ từ 19/10/2023 đến ngày 26/10/2023 chuyển tạm giam. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N, có mặt.

7. Trần Quốc T6 - Sinh năm: 1962 tại Nam Định. Nơi cư trú: Xóm P, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/10;

Con ông Trần Cảnh L3 (tên gọi khác Trần Văn L4), sinh năm 1932, đã chết và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1932, đã chết. Vợ: Trần Thị P, sinh năm 1963, hiện đang ở xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định; có 4 con: Con lớn nhất sinh năm 1984, con nhỏ nhất sinh năm 1994; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 19/6/1987, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam Ninh xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “Trộm cắp tài sản công dân”;

+ Ngày 26/6/2001, bị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”.

Bị cáo Trần Quốc T6 bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” kể từ ngày 14/12/2023, có mặt.

8. Vũ Thị N1 - Sinh năm: 1992 tại Nam Định. Nơi cư trú: Xóm A, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Vũ Đình Đ1, sinh năm 1967 và bà Hoàng Thị T7, sinh năm 1969, cả hai đều ở xã N, huyện N. Chồng là Nguyễn Văn C1, sinh năm 1990, hiện đang ở xã H, huyện N; Có 02 con, lớn sinh năm 2020, nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo Vũ Thị N1 bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” kể từ ngày 26/10/2023, có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Văn C1, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Xóm A, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định; có mặt.

* Người làm chứng:

1. Anh Đỗ Ngọc C2, sinh năm 1992, vắng mặt;

2. Chị Phạm Thị H3, sinh năm 1970, vắng mặt;

3. Anh Lê Anh X1, sinh năm 2005, vắng mặt;

4. Anh Lê Minh H4, sinh năm 2004, vắng mặt;

5. Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1992, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Cuối năm 2022, thông qua mạng xã hội Facebook, Đỗ Văn G, sinh năm 1996, ở Xóm B, xã G, huyện G, Nam Định có quen với một nam thanh niên, không rõ tên, tuổi, địa chỉ và được người này hướng dẫn và bán các công cụ, phương tiện cùng 63 file mẫu con dấu, chữ ký của 63 Sở giao thông vận tải trên cả nước để làm giấy phép lái xe (GPLX) giả, mục đích bán

kiếm lời. G rủ Trần Văn T, sinh năm 1995, ở Xóm B, xã G, huyện G; Nguyễn Thành T3, sinh năm 1996, ở Xóm G, xã G, huyện G; Nguyễn Văn C, sinh năm 1982; ở xóm H, xã G, huyện G; Nguyễn Hữu T4, sinh năm 1997, ở Xóm H, xã G, huyện G và Đặng Văn D2, sinh năm 1993, ở Xóm G, xã G, huyện G tham gia cùng và phân công nhiệm vụ như sau:

- Đỗ Văn G là người quản lý, theo dõi, tổng hợp các đơn hàng đăng ký bằng thông tin Bùi Anh T8, số điện thoại 0327.357.597, địa chỉ: HH01A, khu đô thị T, phường K, Quận H, TP Hà Nội, nhận tiền COD trả về vào số tài khoản ngân hàng P1, số tài khoản 1117040397296 mang tên BUI ANH TUAN; tính tiền và thanh toán cho các đối tượng.

- Đặng Văn D2, Nguyễn Văn C, Nguyễn Hữu T4 thuộc nhóm gọi là “cò”: Là những người vận hành, quảng cáo các trang (page) trên mạng xã hội Facebook để tiếp cận những người có nhu cầu làm giấy tờ giả. T4 làm nghề chạy quảng cáo trên mạng xã hội Facebook nên được giao nhiệm vụ lập các trang, chạy quảng cáo (không cố định ngày) theo yêu cầu của người quản lý trang để tăng lượng tương tác cho nhiều người nhìn thấy bài đăng. Trong khoảng thời gian từ ngày 08/8/2023 đến ngày 04/10/2023, C quản lý các trang: Trung tâm Đ2; Thầy H5 – trung tâm sát hạch lái xe và một số trang khác C không nhớ cụ thể; D2 quản lý các trang: Trung tâm đào tạo lái xe – số 6; Trung tâm Đ3; thu thập thông tin người đặt mua GPLX giả. Khi người có nhu cầu đặt mua GPLX giả liên hệ, C và D2 sẽ tư vấn trực tiếp qua M1 hoặc Z, thỏa thuận giá từ khoảng 700.000 đồng đến 2.500.000 đồng tùy theo yêu cầu của khách làm GPLX xe mô tô hay ô tô và yêu cầu người đặt mua cung cấp ảnh chụp căn cước công dân 2 mặt, ảnh chân dung, địa chỉ, số điện thoại nhận “hàng” rồi chuyển những thông tin trên vào nhóm T9 do G lập. Mỗi “cò” sẽ có một nhóm riêng dưới dạng: “HangCC” là của C; “HangDD, MM” là của D2; “HangGG” là của G; “HangTT” là của T3, nhóm này chỉ có G, T và một “cò”. Với mỗi GPLX giả giao thành công, các đối tượng “cò” phải trả cho G 250.000 đồng; sau khi trừ chi phí vận chuyển, trả tiền thuê T4 chạy quảng cáo 1.650.000 đồng/trang/ngày (tương đương khoảng 83.000 đồng/GPLX) đối với cả đơn thành công và không thành công; còn lại các đối tượng “cò” hưởng lợi khoảng 800.000 đồng/GPLX. Với GPLX giả do G tự chạy quảng cáo, G thu lợi khoảng 1.000.000 đồng/GPLX.

- Trần Văn T và Nguyễn Thành T3 thuộc nhóm gọi là “lò gia công”: Trực tiếp sản xuất GPLX giả. G hướng dẫn T các thao tác để làm GPLX giả và thuê phòng 401, ngõ A Q, Cầu G, TP . để T và T3 làm địa điểm sản xuất. Sau khi các đối tượng “Cò” gửi thông tin khách hàng vào nhóm T9, T lấy thông tin, sử dụng phần mềm chuyên dụng (COREL) trong máy tính, chỉnh sửa thông tin khách hàng cung cấp rồi tiến hành in lên phôi GPLX có sẵn. Sau đó, T3 sẽ dán tem,

đóng gói thành phẩm vào túi nilông, cho vào phong bì trắng, đánh số thứ tự theo danh sách thông tin khách hàng nhận do T lập, rồi gửi cho Nguyễn Sơn V1, sinh năm 1991, ở Số A, tổ A ngõ A T, phường D, quận C, TP, Hà Nội là nhân viên Bưu điện V2 (V) để Vũ đóng các phong bì trên vào hộp catton, điền các thông tin khách hàng, dán mã vận đơn và chuyển đến Bưu cục Thương mại điện tử T11, Hà Nội để gửi cho khách hàng theo hình thức Ship COD (nhận hàng thanh toán tiền). Ngoài ra, nếu khách hàng yêu cầu có hồ sơ gốc, thì T sẽ sử dụng file văn bản có sẵn trong máy tính, ghép ảnh khách hàng rồi in ra để T3 đóng gói gửi cùng GPLX giả. Với mỗi GPLX giả, G trả cho T 70.000 đồng, T phải trả lương cho T3 2.500.000 đồng/tuần.

Với thủ đoạn như trên, trong khoảng thời gian từ ngày 08/8/2023 đến 04/10/2023, G cùng đồng bọn đã làm 1.436 GPLX giả, chuyển đến Bưu cục Thương mại điện tử T11, Hà Nội gửi cho khách hàng, trong đó có 980 GPLX giả giao thành công, Bưu cục đã chuyển tiền COD vào tài khoản mang tên BUI ANH TUAN do G quản lý; 456 GPLX giả giao không thành công (phát hoàn), theo thỏa thuận Bưu cục đã hủy đối với 413 đơn, còn lưu trữ tại kho của Bưu cục 43 GPLX giả các loại; Cơ quan điều tra đã thu giữ (ký hiệu từ A1 đến A43) để trưng cầu giám định. Cụ thể các đơn hàng của các đối tượng được xác định như sau: Mã CC là của Nguyễn Văn C, tổng cộng 615 đơn hàng, trong đó phát thành công 397 đơn, phát hoàn (không thành công) 218 đơn; Mã DD, MM là của Đặng Văn D2, tổng cộng 224 đơn, trong đó phát thành công 160 đơn, phát hoàn 64 đơn; Mã GG là của Đỗ Văn G, tổng cộng 292 đơn, trong đó phát thành công 205 đơn, phát hoàn 87 đơn; Mã TT là của Nguyễn Thành T3, tổng cộng 52 đơn, trong đó phát thành công 33 đơn, phát hoàn 19 đơn; Mã AA là một người Giang quen qua mạng xã hội, không biết tên tuổi, địa chỉ, cụ thể tổng cộng 253 đơn hàng, trong đó phát thành công 185 đơn, phát hoàn 68 đơn. Số tiền thu lợi bất chính các đối tượng đã chiếm hưởng từ việc bán GPLX giả là 938.134.000 đồng, cụ thể như sau: Đỗ Văn G 320.634.000 đồng; Nguyễn Văn C 331.890.000 đồng; Đặng Văn D2 133.098.000 đồng; Trần Văn T 83.020.000 đồng; Nguyễn Thành T3 52.574.000 đồng; Nguyễn Hữu T4 16.918.000 đồng.

Qua xác minh một số trường hợp đặt mua GPLX giả của nhóm Đỗ Văn G, xác định:

1. Vũ Thị N1, sinh năm 1992, ở xóm A, xã H, huyện N: Ngày 18/8/2023, sử dụng tài khoản Facebook “Trung Chinh” được đăng nhập sẵn trong điện thoại di động của anh Nguyễn Văn C1, sinh năm 1990 (là chồng của N1), gửi thông tin cá nhân, đặt mua 1 GPLX giả trên trang “Trung tâm đào tạo lái xe – số 5” do Nguyễn Văn C quản lý. Đến ngày 29/8/2023, anh C1 đã nhận hộ Nhâm GPLX giả, thanh toán phí 1.000.000 đồng và giao lại cho N1. Anh C1 không biết việc N1 đặt mua GPLX giả. Sau khi nhận được GPLX giả, N1 đã sử dụng, mang theo

trong người khi tham gia giao thông để nếu bị Cơ quan chức năng kiểm tra sẽ xuất trình, tránh bị phạt. Ngày 14/10/2023, Cơ quan điều tra đã triệu tập Nhâm để làm việc và đã thu giữ 01 GPLX giả hạng A1 mang tên Vũ Thị N1.

2. Trần Quốc T6, sinh năm 1962, ở xóm P, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định: Thông qua mạng xã hội Facebook, khoảng tháng 8/2023, T6 đã gửi thông tin cá nhân và đặt mua 02 GPLX giả cho bà Đình Thị T10, sinh năm 1974, ở thôn A T, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam và anh Tô Xuân N2, sinh ngày 28/02/2005, ở thôn V, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định (là cháu ngoại T6), trên trang “Thầy H5 – Trung tâm sát hạch lái xe” do Nguyễn Văn C quản lý, mục đích để kiếm lời. T6 và C thỏa thuận giá 1.000.000 đồng/GPLX giả. Thiệp thu của bà T10 1.600.000 đồng, của anh N2 1.500.000 đồng; được hưởng lợi từ việc mua GPLX giả cho bà T10 và anh Nghĩa là 1.100.000 đồng. Sau khi nhận được GPLX, anh N2 và bà T10 đều chưa sử dụng và đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra nên không xử lý đối với anh N2 và bà T10 bằng pháp luật.

3. Đỗ Ngọc C2, sinh năm 1992, ở thôn H, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định mua cho mẹ đẻ là bà Phạm Thị H3, sinh năm 1970 ở cùng địa chỉ 01 GPLX giả, từ trang “Trung tâm đào tạo lái xe – số 5” do Nguyễn Văn C quản lý với giá 1.000.000 đồng. Đến ngày 24/9/2023, C2 nhận được GPLX đã đặt mua thông qua hình thức Ship COD và đưa cho bà H3. Sau khi nhận được GPLX giả, bà H3 chưa sử dụng và đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra. Anh C2 tự bỏ tiền mua cho mẹ đẻ và không được hưởng lợi từ việc làm trên nên không xử lý đối với anh C2 và bà H3 bằng pháp luật.

4. Lê Anh X1, sinh ngày 22/06/2005, ở thôn Đ, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định: Khoảng tháng 8/2023, trong quá trình sử dụng mạng xã hội Facebook có thấy một trang đăng bài quảng cáo nhận làm GPLX (không nhớ cụ thể), X1 đã liên hệ và mua một GPLX cho mình với giá 1.000.000 đồng. Khoảng 1 tuần sau, X1 nhận được GPLX giả đã đặt mua bằng hình thức Ship COD nhưng do biết đó là GPLX giả nên không sử dụng và đã hủy (đốt) GPLX giả đã mua, do đó không có căn cứ xử lý đối với Lê Anh X1.

5. Lê Minh H4, sinh năm 2004, ở thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định: Khoảng tháng 9 năm 2023, trong quá trình sử dụng mạng xã hội Facebook thấy có trang quảng cáo (không nhớ cụ thể) nhận làm GPLX, H4 liên hệ và mua một GPLX cho mình với giá 1.000.000 đồng. Do biết đó là GPLX giả nên đã từ chối nhận hàng nên không có căn cứ xử lý đối với Lê Minh H4.

6. Phạm Văn Q, sinh năm 1992, ở xóm Đ, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình: Đầu tháng 8/2023, thông qua mạng xã hội Facebook thấy trang “Trung tâm đào tạo lái xe – số 9” do Đặng Văn D2 quản lý, đăng bài quảng cáo nhận làm GPLX, mặc dù bản thân đã có GPLX hạng E, FC nhưng do tò mò nên đã đặt mua 01 GPLX hạng E, FC cho mình với giá 700.000 đồng. Khoảng 2 tuần sau, anh Q

nhận được GPLX giả đã đặt mua bằng hình thức Ship COD nhưng do biết đó là GPLX giả nên không sử dụng và đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra, do đó không xử lý đối với Phạm Văn Q bằng pháp luật.

7. Huỳnh Hoàng N3 ở khu A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Nam Định: Qua điều tra xác định trên địa bàn thị trấn T, không có công dân tên Huỳnh Hoàng N3 nên không có căn cứ xử lý.

8. Phạm Thị M2, ở xóm N, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định: Qua điều tra xác định trên địa bàn xã V, không có công dân tên Phạm Thị M2. Đơn hàng gửi đến địa chỉ trên giao không thành công và đã phát hoàn cho người gửi, do đó không có căn cứ để xử lý.

9. Đặng Ngọc Á ở xã T, huyện V, tỉnh Nam Định: Qua điều tra xác định trên địa bàn xã T, không có công dân tên Đặng Ngọc Á nên không có căn cứ để xử lý.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện N các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại kết luận giám định số 1575/KL-KTHS ngày 24/10/2023; số 1660/KL-KTHS và 373/KL-KTHS ngày 22/02/2024 của Phòng K Công an tỉnh N, kết luận: “Giấy phép lái xe” hạng A1 mang tên Vũ Thị N1, Đinh Thị T10, Tô Xuân N2, Phạm Thị H3; “Giấy phép lái xe” hạng E, FC mang tên Phạm Văn Q và 43 “Giấy phép lái xe” được ký hiệu từ A1 đến A43 gửi giám định đều là giả.

Bản cáo trạng số 29/CT-VKS ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng đã truy tố các bị cáo Đỗ Văn G, Trần Văn T, Nguyễn Thành T3, Nguyễn Văn C, Đặng Văn D2 về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a, c khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Hữu T4 về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Quốc T6 về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự; bị cáo Vũ Thị N1 về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện; nguyên nhân, điều kiện phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như tội danh và Điều luật đã nêu; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vai trò của các bị cáo trong vụ án, cụ thể: Bị cáo Đỗ Văn G là người quản lý, chuẩn bị công cụ phương tiện, lôi kéo, rủ rê và cùng thực hiện hành vi làm giả giấy phép lái xe nên giữ vai trò thứ nhất trong vụ án. Các bị cáo tuy cùng trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội với các vị trí khác nhau như nhóm quản lý vận hành các trang mạng xã hội, trực tiếp gia công sản xuất các giấy phép lái xe giả và tiếp sức nhưng số tiền chiếm hưởng khác nhau nên các bị cáo

Nguyễn Văn C, Đặng Văn D2 xếp ở vị trí thứ hai trong vụ án, các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Thành T3 xếp ở vị trí thứ ba trong vụ án, bị cáo Nguyễn Hữu T4 xếp ở vị trí thứ tư trong vụ án và bị cáo Trần Quốc T6 với vai trò giúp sức xếp ở vị trí thứ năm trong vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a, c khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đỗ Văn G, Trần Văn T, Nguyễn Thành T3, Nguyễn Văn C, Đặng Văn D2;

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Hữu T4;

- Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn C;

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Quốc T6;

- Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Thị N1;

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn G từ 04 (Bốn) năm 09 (Chín) tháng tù đến 05 (Năm) năm tù; bị cáo Nguyễn Văn C từ 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù đến 04 (Bốn) năm 09 (Chín) tháng tù; bị cáo Đặng Văn D2 từ 04 (Bốn) năm 03 (Ba) tháng tù đến 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù; bị cáo Trần Văn T từ 04 (Bốn) năm tù đến 04 (Bốn) năm 03 (Ba) tháng tù; bị cáo Nguyễn Thành T3 từ 03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng tù đến 04 (B) năm tù; bị cáo Nguyễn Hữu T4 từ 03 (Ba) năm tù đến 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù; bị cáo Trần Quốc T6 từ 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng đến 05 (Năm) năm, giao bị cáo Trần Quốc T6 cho Ủy ban nhân dân xã Y giám sát giáo dục; bị cáo Vũ Thị N1 từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, giao bị cáo Vũ Thị N1 cho Ủy ban nhân dân xã H giám sát giáo dục; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo N1.

Đề nghị áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự để xử lý vật chứng của vụ án; Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 6, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Tại phiên toà hôm nay qua xét hỏi và tranh luận các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu. Các bị cáo nói lời sau cùng: Thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người làm chứng không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu đã được xác lập có trong hồ sơ vụ án cũng như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng đã truy tố các bị cáo ra trước phiên tòa. Như vậy đã có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 08/8/2023 đến 04/10/2023, Đỗ Văn G là người quản lý, chuẩn bị công cụ, phương tiện, rủ Trần Văn T, Nguyễn Thành T3, Nguyễn Văn C, Đặng Văn D2, Nguyễn Hữu T4 cùng nhau làm 1.436 các loại giấy phép lái xe giả, thu lời bất chính 938.134.000 đồng. Trong đó các bị cáo chiếm hưởng cụ thể: Đỗ Văn G 320.634.000 đồng; Nguyễn Văn C 331.890.000 đồng; Đặng Văn D2 133.098.000 đồng; Trần Văn T 83.020.000 đồng; Nguyễn Thành T3 52.574.000 đồng; Nguyễn Hữu T4 16.918.000 đồng.

Khoảng tháng 8/2023, biết các trang làm giấy phép lái xe trên Facebook do nhóm Đỗ Văn G quảng cáo là giả nhưng Trần Quốc T6 đã mua 02 giấy phép lái xe cho anh Tô Xuân N2 và bà Đinh Thị T10, hưởng lợi số tiền 1.100.00 đồng; Vũ Thị N1 biết giấy phép lái xe giả nhưng vẫn mua sử dụng nhằm tránh sự kiểm tra, phát hiện của các Cơ quan chức năng khi tham gia giao thông.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước. Các bị cáo là người trưởng thành có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Đối chiếu với quy định của Bộ luật Hình sự thấy đủ cơ sở kết luận các bị cáo Đỗ Văn G, Trần Văn T, Nguyễn Thành T3, Nguyễn Văn C, Đặng Văn D2 phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a, c khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Hữu T4 phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Quốc T6 phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự; bị cáo Vũ Thị N1 phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Hành vi các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động bình thường của các Cơ quan, tổ chức Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính được pháp luật bảo vệ gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội trong khu vực, gây nên dư luận xấu trong nhân dân ở khu vực. Vì vậy việc đưa các bị cáo ra xét xử công khai, lên án xử lý nghiêm là cần thiết nhằm góp phần vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm.

[3] Xét vị trí, vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Bị cáo Đỗ Văn G là người quản lý, chuẩn bị công cụ phương tiện, lôi kéo, rủ rê và cùng thực hiện hành vi làm giả giấy phép lái xe nên giữ vai trò thứ nhất trong vụ án. Các bị cáo tuy cùng trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội với các vị trí khác nhau như nhóm quản lý vận hành các trang mạng xã hội, trực tiếp gia công sản xuất các giấy phép lái xe giả và tiếp sức nhưng số tiền chiếm hưởng khác nhau nên các bị cáo Nguyễn Văn C, Đặng Văn D2 xếp ở vị trí thứ hai trong vụ án; các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Thành T3 xếp ở vị trí thứ ba trong vụ án; bị cáo Nguyễn Hữu T4 xếp ở vị trí thứ tư trong vụ án và bị cáo Trần Quốc T6 với vai trò giúp sức xếp ở vị trí thứ năm trong vụ án.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy: Các bị cáo Đỗ Văn G, Trần Văn T, Nguyễn Văn C, Đặng Văn D2, Nguyễn Thành T3, Nguyễn Hữu T4, Vũ Thị N1 đều có nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự. Đối với bị cáo Trần Quốc T6 đã bị kết án nhưng đến nay đã được xoá án tích.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Đỗ Văn G, Trần Văn T, Nguyễn Văn C, Đặng Văn D2, Nguyễn Thành T3, Nguyễn Hữu T4 phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội có tổ chức” và “phạm tội 2 lần trở lên” theo quy định tại điểm a, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Quốc T6, Vũ Thị N1 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo N1 phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T6 đã tự nguyện khắc phục hậu quả, nộp lại số tiền 1.100.000 đồng; bố đẻ của bị cáo T6 là ông Trần Cảnh L3 có thời gian tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước được tặng thưởng Huy chương nên bị cáo T6 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo C đã đến Công an huyện N đầu thú, bố đẻ bị cáo có thời gian tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước được tặng thưởng

Huân chương nên bị cáo C được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tập trung cải tạo đối với các bị cáo Đỗ Văn G, Trần Văn T, Nguyễn Thành T3, Nguyễn Văn C, Đặng Văn D2 và Nguyễn Hữu T4 nhằm trừng trị, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Đối với bị cáo Trần Quốc T6 là đồng phạm trong vụ án nhưng với vai trò không đáng kể, mặt khác hiện nay bị cáo T6 đang bị bệnh U tuyến giáp thường xuyên phải đi bệnh viện để điều trị do vậy Hội đồng xét xử thấy không cần phải cách ly mà để bị cáo cải tạo tại địa phương tạo điều kiện cho bị cáo đi điều trị bệnh. Đối với bị cáo Vũ Thị N1 thấy không cần cách ly mà để bị cáo cải tạo tại địa phương cũng có thể cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn có đơn trình bày và đã được chính quyền địa phương xác nhận nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo và miễn khâu trừ thu nhập đối với bị cáo N1 là phù hợp.

[6] Về số tiền thu lợi bất chính:

- Số tiền 1.100.000 đồng bị cáo Trần Quốc T6 đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 938.134.000 đồng mà các bị cáo Đỗ Văn G, Trần Văn T, Nguyễn Văn C, Đặng Văn D2, Nguyễn Thành T3, Nguyễn Hữu T4 đã chiếm hưởng cần truy thu sung công quỹ Nhà nước, cụ thể: Truy thu sung công quỹ Nhà nước đối với: Đỗ Văn G 320.634.000đồng; Nguyễn Văn C 331.890.000đồng; Đặng Văn D2 133.098.000đồng; Trần Văn T 83.020.000đồng; Nguyễn Thành T3 52.574.000đồng và Nguyễn Hữu T4 16.918.000đồng.

[7] Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự:

- Đối với các công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng để làm Giấy phép lái xe giả gồm: 02 bộ máy vi tính để bàn (gồm CPU, màn hình, bàn phím, chuột, dây kết nối); 01 máy in thẻ cứng, nhãn hiệu HITI; 01 máy in phun màu, nhãn hiệu PIXMA thu giữ của các bị cáo cần tịch thu hoá giá sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với 04 hộp kích thước (8,5x5,5)cm bên trong chứa tổng cộng 559 phiôi Giấy phép lái xe giả; 08 lọ mực in; 49 phong bì thư màu trắng kích thước (22x16)cm; 20 phong bì thư màu trắng kích thước (33x24)cm; 100 tờ giấy khổ A4; 50 túi nilon trong suốt kích thước (13x6)cm; 01 sổ bìa màu đen kích thước (15x6,5)cm; 01 kéo sắt; 01 dao rọc giấy; 01 TP Link màu trắng (cục W) kích

thước (19x12x2)cm cùng dây nguồn, thu giữ của các bị cáo không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s vỏ màu bạc thu giữ của Trần Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9A, vỏ màu xanh thu giữ của Nguyễn Thành T3; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 ProMax, vỏ màu vàng thu giữ của Đỗ Văn G; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 ProMax, vỏ màu xanh thu giữ của Nguyễn Hữu T4; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 2F, vỏ màu xanh lắp sim số 0327.378.597 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A12, vỏ màu xanh thu giữ của Nguyễn Văn C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 ProMax, vỏ màu xanh thu giữ của Đặng Văn D2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, vỏ màu hồng thu giữ của Trần Quốc T6 có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, cần tịch thu hoá giá sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y21s, vỏ màu xanh thu giữ của Nguyễn Văn C1. Anh C1 không biết việc N1 sử dụng điện thoại để mua Giấy phép lái xe giả cần trả lại cho anh C1 là chủ sở hữu là phù hợp.

- Đối với các Giấy phép lái xe giả thu giữ của Vũ Thị N1, Đinh Thị T10, Tô Xuân N2, Phạm Thị H3, Phạm Văn Q và 43 Giấy phép lái xe thu giữ tại Bureau thương mại điện tử T11 là vật chứng được lưu trữ theo hồ sơ vụ án.

[8] Đối với người sử dụng mã ký hiệu “AA” hiện không xác định được tên tuổi địa chỉ cụ thể, không xác định được tài khoản chuyển tiền nên không có căn cứ xử lý.

- Đối với Bureau Thương mại điện tử T11, Hà Nội và Nguyễn Sơn V1 là nhân viên Bureau điện không biết hàng hóa các đối tượng gửi là Giấy phép lái xe giả; Nguyễn Văn C1 không biết việc N1 đặt mua Giấy phép lái xe giả nên không xem xét xử lý bằng pháp luật.

- Đối với người thanh niên hướng dẫn và bán các công cụ, phương tiện làm Giấy phép lái xe giả cho Đỗ Văn G, hiện không xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ để xác minh, xử lý.

- Đối với các trường hợp đã đặt mua Giấy phép lái xe giả của nhóm Đỗ Văn G còn lại, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã có văn bản thông báo, chuyển nguồn tin cho các cơ quan điều tra các huyện, thành phố trên cả nước để tiến hành điều tra xác minh theo thẩm quyền.

- Đối với hành vi làm giả Giấy phép lái xe của nhóm Đỗ Văn G thời điểm trước tháng 8/2023 đang được Cơ quan điều tra Công an huyện K, tỉnh Thái Bình điều tra, xử lý nên không xem xét.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Đỗ Văn G, Trần Văn T, Nguyễn Văn C, Đặng Văn D2, Nguyễn Thành T3, Nguyễn Hữu T4, Trần Quốc T6 và Vũ Thị N1 phải chịu án phí theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật

Tổ tụng Hình sự và Điều 6, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[10] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, c khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đỗ Văn G, Trần Văn T, Nguyễn Thành T3, Nguyễn Văn C và Đặng Văn D2. Bị cáo Nguyễn Văn C áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Hữu T4;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Quốc T6;

Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Thị N1;

Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 106; Điều 135, Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ Điều 6, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn G, Trần Văn T, Nguyễn Thành T3, Nguyễn Văn C, Đặng Văn D2, Nguyễn Hữu T4 và Trần Quốc T6 phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; bị cáo Vũ Thị N1 phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”;

2. Xử phạt bị cáo Đỗ Văn G 04 (Bốn) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/10/2023.

3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 04 (Bốn) năm 06 (S) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/10/2023.

4. Xử phạt bị cáo Đặng Văn D2 04 (Bốn) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/10/2023.

5. Xử phạt bị cáo Trần Văn T 04 (B) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/10/2023.

6. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T3 03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/10/2023.

7. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T4 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/10/2023.

8. Xử phạt bị cáo Trần Quốc T6 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng kể từ ngày tuyên án, ngày 30/5/2024.

Giao bị cáo Trần Quốc T6 cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định nơi cư trú của bị cáo giám sát giáo dục. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

9. Xử phạt bị cáo Vũ Thị N1 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện N nhận được quyết định thi hành án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Giao bị cáo Vũ Thị N1 cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Nam Định nơi cư trú của bị cáo giám sát giáo dục. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và Điều 100 của Luật Thi hành án Hình sự.

10. Về xử lý chứng vụ án:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.100.000 đồng mà Trần Quốc T6 đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N.

- Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 938.134.000 đồng mà các bị cáo Đỗ Văn G, Trần Văn T, Nguyễn Văn C, Đặng Văn D2, Nguyễn Thành T3, Nguyễn Hữu T4 đã chiếm hưởng, cụ thể truy thu: Đỗ Văn G 320.634.000đồng; Nguyễn Văn C 331.890.000đồng; Đặng Văn D2 133.098.000đồng; Trần Văn T 83.020.000đồng; Nguyễn Thành T3 52.574.000đồng và Nguyễn Hữu T4 16.918.000đồng.

- Tịch thu hoá giá sung quỹ Nhà nước: 02 bộ máy vi tính để bàn (gồm CPU, màn hình, bàn phím, chuột, dây kết nối); 01 máy in thẻ cứng, nhãn hiệu HITI; 01 máy in phun màu, nhãn hiệu PIXMA. Là các công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng để làm Giấy phép lái xe giả.

- Tịch thu tiêu hủy: 04 hộp kích thước (8,5x5,5) cm bên trong chứa tổng cộng 559 phôi Giấy phép lái xe giả; 08 lọ mực in; 49 phong bì thư màu trắng kích thước (22x16)cm; 20 phong bì thư màu trắng kích thước (33x24)cm; 100 tờ giấy khổ A4; 50 túi nilon trong suốt kích thước (13x6)cm; 01 sổ bìa màu đen kích thước (15x6,5)cm; 01 kéo sắt; 01 dao rọc giấy; 01 TP Link màu trắng (cục W) kích thước (19x12x2)cm cùng dây nguồn, thu giữ của các bị cáo.

- Tịch thu hoá giá sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s vỏ màu bạc thu giữ của Trần Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9A, vỏ màu xanh thu giữ của Nguyễn Thành T3; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 ProMax, vỏ màu vàng thu giữ của Đỗ Văn G; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 ProMax, vỏ màu xanh thu giữ của Nguyễn Hữu T4; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 2F, vỏ màu xanh lấp sim số 0327.378.597 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A12, vỏ màu xanh thu giữ của Nguyễn Văn C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 ProMax, vỏ màu xanh thu giữ của Đặng Văn D2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, vỏ màu hồng thu giữ của Trần Quốc T6 có liên quan đến hành vi phạm tội.

- Trả lại cho anh Nguyễn Văn C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y21s, vỏ màu xanh.

Toàn bộ vật chứng của vụ án đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 21 tháng 5 năm 2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng.

11. Về án phí: Buộc các bị cáo Đỗ Văn G, Trần Văn T, Nguyễn Thành T3, Nguyễn Văn C, Đặng Văn D2, Nguyễn Hữu T4, Trần Quốc T6 và Vũ Thị N1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án và người được thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKS nhân dân Tỉnh + huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã H;
- UBND xã G1, xã 2, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định;
- UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định;
- Án văn + lưu hồ sơ;
- Thi hành án phạt tù.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Phạm Hùng Phương